

Số: 11/2025/QĐST-DS

Nghệ An, ngày 09 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 01 tháng 7 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 60/2023/TLST- DS ngày 14 tháng 4 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Trần Thị V, sinh năm 1959. Địa chỉ: Khối H, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị V: Ông Nguyễn Văn V1, sinh năm 1988. Địa chỉ: Số A đường S, khối A phường C, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Trần Văn A, sinh năm 1986 và Trần Thị T, sinh năm 1958. Địa chỉ: Khối H, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo ủy quyền của chị T là anh Trần Văn A, sinh năm 1986; địa chỉ: Khối H, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An..

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Hoàng Thị V2, sinh năm 1987. Địa chỉ: Khối H, phường Q, thị xã

H, tỉnh Nghệ An.

+ Bà Trần Thị Q, sinh năm 1961. Địa chỉ: Khối Q, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

+ Người đại diện theo ủy quyền cho bà Trần Thị Q, bà Trần Thị T, bà Hoàng Thị V2: Ông Trần Văn A, sinh năm 1986. Địa chỉ : Khối H, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

+ Bà Trần Thị L, sinh năm 1952 (mất 3/3/2025); địa chỉ: Khối T, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An. Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà L1: Anh Bùi Văn T1, sinh 01/7/1973; chị Bùi Thị N, sinh 01/7/1976; anh Bùi Văn C, sinh 01/7/1976; anh Bùi Văn M, sinh 01/7/1979; anh Bùi Văn T2, sinh 01/7/1984.

+ Bà Trần Thị H, sinh năm 1968; địa chỉ: Khối Q, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền bà Trần Thị H: Ông Nguyễn Văn V1, sinh năm 1988. Địa chỉ: Số A đường S, khối A phường C, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

+ Ông Trần Văn L2, sinh năm 1966; địa chỉ: Khối H, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn L2: Bà Trần Thị L3, sinh năm 1997. Địa chỉ: Khối H, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

+ Văn phòng C1 (nay là văn phòng C2); địa chỉ: Khối T, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

+ Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Nghệ An (nay là Ủy ban nhân dân phường H); địa chỉ: phường Q, tỉnh Nghệ An.

+ Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã H (nay là Ủy ban nhân dân phường Q), tỉnh Nghệ An.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Trần Thị V, bà Trần Thị H và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà Trần Thị L (gồm có: anh Bùi Văn T1, sinh 01/7/1973; chị Bùi Thị N, sinh 01/7/1976; anh Bùi Văn C, sinh 01/7/1976; anh Bùi Văn M, sinh 01/7/1979; anh Bùi Văn T2, sinh 01/7/1984) đồng ý giao toàn bộ diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 089385 do Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Nghệ An cấp ngày 03/4/2019 mang tên Trần Văn A, Hoàng Thị V2 cho anh Trần Văn A, chị Hoàng Thị V2 quản lý, sử dụng.

2.2. Bà Trần Thị V, bà Trần Thị H và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà Trần Thị L (gồm có: anh Bùi Văn T1, sinh 01/7/1973; chị Bùi Thị N,

sinh 01/7/1976; anh Bùi Văn C, sinh 01/7/1976; anh Bùi Văn M, sinh 01/7/1979; anh Bùi Văn T2, sinh 01/7/1984) đồng ý giao toàn bộ diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DK 003762 mang tên Trần Văn L2 tại thửa đất số 428, tờ bản đồ số 12 (tách từ thửa số 12 tờ bản đồ số 12) địa chỉ tại Khối H, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DK 003763 mang tên Trần Văn L2 tại thửa đất số 429, tờ bản đồ số 12 (tách từ thửa số 12 tờ bản đồ số 12) Q, Thị xã H, tỉnh Nghệ An và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DK 003760 mang tên Trần Văn L2 tại thửa đất số 430, tờ bản đồ số 12 (tách từ thửa số 12 tờ bản đồ số 12) địa chỉ tại Khối H, phường Q, Thị xã H, Nghệ An cho ông Trần Văn L2 quản lý, sử dụng.

2. 3. Anh Trần Văn A và chị Hoàng Thị V2 giao cho bà Trần Thị V, bà Trần Thị H và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà Trần Thị L (gồm có: anh Bùi Văn T1, sinh 01/7/1973; chị Bùi Thị N, sinh 01/7/1976; anh Bùi Văn C, sinh 01/7/1976; anh Bùi Văn M, sinh 01/7/1979; anh Bùi Văn T2, sinh 01/7/1984) số tiền 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng), do bà Trần Thị V đại diện nhận. Bà Trần Thị V có trách nhiệm giao lại cho bà Trần Thị H và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà Trần Thị L (gồm có: anh Bùi Văn T1, sinh 01/7/1973; chị Bùi Thị N, sinh 01/7/1976; anh Bùi Văn C, sinh 01/7/1976; anh Bùi Văn M, sinh 01/7/1979; anh Bùi Văn T2, sinh 01/7/1984) phần tiền mà những người này được hưởng (theo thỏa thuận giữa bà V, bà H và các con của bà L, gồm anh T1, chị N, anh C, anh M, anh T2). Sau khi hoàn tất việc giao, nhận tiền giữa bà V và anh A, chị V2, mọi quyền lợi của bà V, bà H, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà L liên quan đến các thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 089385 do UBND thị xã H, tỉnh Nghệ An cấp ngày 03/4/2019 mang tên Trần Văn A, Hoàng Thị V2 và các thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DK 003762 mang tên Trần Văn L2 tại thửa đất số 428, tờ bản đồ số 12 (tách từ thửa số 12 tờ bản đồ số 12) địa chỉ tại Khối H, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DK 003763 mang tên Trần Văn L2 tại thửa đất số 429, tờ bản đồ số 12 (tách từ thửa số 12 tờ bản đồ số 12) Q, Thị xã H, tỉnh Nghệ An và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DK 003760 mang tên Trần Văn L2 tại thửa đất số 430, tờ bản đồ số 12 (tách từ thửa số 12 tờ bản đồ số 12) địa chỉ tại Khối H, phường Q, Thị xã H, Nghệ An đã được giải quyết xong. Bà V, bà H và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà Trần Thị L (gồm có: anh Bùi Văn T1, sinh 01/7/1973; chị Bùi Thị N, sinh 01/7/1976; anh Bùi Văn C, sinh 01/7/1976; anh Bùi Văn M, sinh 01/7/1979; anh Bùi Văn T2, sinh 01/7/1984) cam kết không tiếp tục khiếu nại, khởi kiện yêu cầu giải quyết mọi quyền lợi liên quan đến các thửa đất nêu trên.

2. 4. Bà Trần Thị V rút các yêu cầu về việc đề nghị Tòa án tuyên hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Trần Văn A, bà Hoàng Thị V2; bà Trần Thị T và ông Trần Văn L2. Cụ thể, rút các yêu cầu về việc hủy: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 089385 do UBND thị xã H, tỉnh Nghệ An cấp ngày 03/4/2019 mang tên Trần Văn A, Hoàng Thị V2; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DK 003762 mang tên Trần Văn L2 tại thửa đất số 428, tờ bản đồ số 12 (tách từ thửa số 12 tờ bản đồ số 12) địa chỉ tại Khôi H, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DK 003763 mang tên Trần Văn L2 tại thửa đất số 429, tờ bản đồ số 12 (tách từ thửa số 12 tờ bản đồ số 12) Q, Thị xã H, tỉnh Nghệ An và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DK 003760 mang tên Trần Văn L2 tại thửa đất số 430, tờ bản đồ số 12 (tách từ thửa số 12 tờ bản đồ số 12) địa chỉ tại Khôi H, phường Q, Thị xã H, tỉnh Nghệ An.

2.5. Án phí: Các bên thỏa thuận chịu nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bà Trần Thị V là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, do đó được miễn án phí theo quy định của pháp luật. Anh Trần Văn A và chị Hoàng Thị V2 phải chịu 7.000.000đ (bảy triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm).

2.6. Chi phí tố tụng khác: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành việc xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), bà Trần Thị V tự nguyện chịu toàn bộ chi phí và đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thúy Ngọc